

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD ANG.006
*(Kèm theo Giấy chứng nhận số /GCN-SXD ngày tháng năm 2025 của
 Sở Xây dựng tỉnh An Giang)*

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
I.	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
1.	Kiểm tra chất lượng bê tông đối với bê tông có cường độ cao	TCVN 10306:2014
2.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông sau khi đầm chặt	TCVN 3108:1993
3.	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng của bê tông	TCVN 3112:2022
4.	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022
5.	Xác định độ tách vữa và độ tách nước của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109: 2022
6.	Thí nghiệm phân tích thành phần, cấp phối hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993
7.	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022
8.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
9.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022
10.	Xác định chiều dày carbonat hóa trong bê tông	TCVN 13933:2024
11.	Xác định thành phần bê tông và vữa sử dụng cát mịn	TCVN 10796:2015
II.	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DÀM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GỐC	
12.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006
13.	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006
14.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 10322:2014
15.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
16.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006



17.	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
18.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
19.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
20.	Xác định độ ổn định của cốt liệu bằng cách sử dụng natri sunfat hoặc magesi sunfat	TCVN 7572-22:2018
21.	Xác định hàm lượng vỏ sò trong cát nhiễm mặn	TCVN 13754:2023
22.	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	TCVN 9205: 2012
III. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG		
23.	Xác định độ vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009
IV. THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ		
24.	Xác định kiểm tra khuyết tật ngoại quan, kích thước, độ phẳng mặt thẳng cạnh	TCVN 9030:2017
25.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
26.	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017
27.	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030: 2017
V. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁT, ĐÁ TRONG PHÒNG		
28.	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012
29.	Xác định chỉ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
30.	Thí nghiệm đầm nén proctor trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020
31.	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012

32.	Xác định hàm lượng muối dễ hòa tan.	TCVN 8727:2012 TCVN 9436:2012 (phụ lục D)
33.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
VI. THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN		
34.	Đo các đặc trưng hình học và xác định sai lệch khối lượng danh nghĩa một mét dài (thanh, dây và sợi làm cốt, thép dự ứng lực)	TCVN 7937 -1 :2013 TCVN 7937 -3 :2013
35.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử kéo ngang	TCVN 8310:2010,
36.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
37.	Thử kéo dây kim loại	TCVN 1824:1993
38.	Thử cấp độ bền kéo bu lông, vít, vít cấy	TCVN 197-1:2014
39.	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp bột từ (MT)	TCVN 4396 :2018
40.	Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn thép cốt bê tông	TCVN 6287:1997
41.	Thử nghiệm mối nối bằng ống ren	TCVN 13711-2:2023; TCVN 197-1:2014
VII. THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
42.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
43.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
44.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
45.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011;
46.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011;
47.	Xác định độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:2011
VIII. THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
48.	Xác định thành phần hạt của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020
49.	Xác định độ ẩm của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020
50.	Xác định chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012
51.	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	TCVN 8735:2012
52.	Xác định hệ số thích nước của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020

IX.	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
53.	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012
54.	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
55.	Xác định độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400:2012
56.	Đo đạc trắc địa phục vụ công tác thi công	TCVN 9364:2024



Ghi chú: (*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.